

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG PHỤC HƯNG HOLDINGS**

**QUY CHẾ  
CÔNG BỐ THÔNG TIN**

***Hà Nội, Tháng 11 năm 2022***



**QUY CHẾ**  
**CÔNG BỐ THÔNG TIN**  
**CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG PHỤC HƯNG HOLDINGS**  
**(Ban hành kèm theo Quyết định số 32/2022/QĐ/PH-HĐQT ngày 21 tháng 11 năm 2022)**

**MỤC LỤC**

<b>Chương I: QUY ĐỊNH CHUNG</b> .....	<b>3</b>
<b>Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng</b> .....	<b>3</b>
<b>Điều 2. Giải thích từ ngữ</b> .....	<b>3</b>
<b>Điều 3. Nguyên tắc công bố thông tin</b> .....	<b>5</b>
<b>Điều 4. Người thực hiện công bố thông tin</b> .....	<b>6</b>
<b>Điều 5. Phương tiện công bố thông tin</b> .....	<b>6</b>
<b>Điều 6. Tạm hoãn công bố thông tin</b> .....	<b>7</b>
<b>Chương II: CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA PHC</b> .....	<b>7</b>
<b>MỤC 1: CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ</b> .....	<b>7</b>
<b>Điều 7. Công bố báo cáo tài chính năm</b> .....	<b>7</b>
<b>Điều 8. Báo cáo tài chính bán niên</b> .....	<b>7</b>
<b>Điều 9. Báo cáo tài chính quý</b> .....	<b>8</b>
<b>Điều 10. Các trường hợp phải giải trình nguyên nhân khi công bố báo cáo tài chính</b> .....	<b>8</b>
<b>Điều 11. Thông tin báo cáo thường niên</b> .....	<b>8</b>
<b>Điều 12. Thông tin về cuộc họp Đại hội đồng cổ đông</b> .....	<b>8</b>
<b>Điều 13. Công bố thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài</b> .....	<b>9</b>
<b>Điều 14. Công bố thông tin về báo cáo tiến độ sử dụng vốn</b> .....	<b>9</b>
<b>Điều 15. Báo cáo tình hình quản trị PHC và Báo cáo danh sách cổ đông nhà nước, cổ đông lớn</b> .....	<b>10</b>
<b>MỤC 2: CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG</b> .....	<b>10</b>
<b>Điều 16. Công bố thông tin bất thường 24 giờ</b> .....	<b>10</b>
<b>Điều 17. Công bố thông tin Đại hội đồng cổ đông bất thường</b> .....	<b>12</b>
<b>Điều 18. Công bố thông tin về ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu</b> .....	<b>12</b>
<b>Điều 19. Công bố thông tin bất thường trong các trường hợp đặc biệt khác</b> .....	<b>13</b>
<b>MỤC 3: CÔNG BỐ THÔNG TIN THEO YÊU CẦU</b> .....	<b>13</b>
<b>Điều 20. Công bố thông tin theo yêu cầu</b> .....	<b>13</b>

BẢN CHẤM PHẢN

*ly*

*208*

<b>MỤC 4: CÔNG BỐ THÔNG TIN KHÁC .....</b>	<b>13</b>
<b>Điều 21. Công bố thông tin liên quan đến việc phát hành cổ phiếu, trái phiếu .....</b>	<b>13</b>
<b>Điều 22. Thông tin về chào mua công khai .....</b>	<b>13</b>
<b>Điều 23. Mua lại cổ phiếu, bán cổ phiếu quỹ .....</b>	<b>14</b>
<b>Chương III: CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA NHÀ ĐẦU TƯ THUỘC ĐỐI TƯỢNG CÔNG BỐ THÔNG TIN .....</b>	<b>14</b>
<b>Điều 24. Công bố thông tin về sở hữu cổ phiếu của cổ đông lớn .....</b>	<b>14</b>
<b>Điều 25. Công bố thông tin về giao dịch của người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ .....</b>	<b>15</b>
<b>Chương IV: QUY TRÌNH CÔNG BỐ THÔNG TIN .....</b>	<b>16</b>
<b>Điều 26. Tổ chức công bố thông tin .....</b>	<b>16</b>
<b>Điều 27. Quy trình công bố thông tin .....</b>	<b>16</b>
<b>Điều 28. Bảo quản và lưu giữ thông tin .....</b>	<b>17</b>
<b>Chương V: XỬ LÝ VI PHẠM .....</b>	<b>18</b>
<b>Điều 29. Xử lý vi phạm .....</b>	<b>18</b>
<b>Chương VI: ĐIỀU KHOẢN THỰC HIỆN .....</b>	<b>18</b>
<b>Điều 30. Hiệu lực thi hành .....</b>	<b>18</b>
<b>Điều 31. Tổ chức thực hiện .....</b>	<b>18</b>
<b>PHỤ LỤC 1: QUY TRÌNH CÔNG BỐ THÔNG TIN .....</b>	<b>19</b>
<b>PHỤ LỤC 2: TRÁCH NHIỆM GỬI THÔNG TIN CÔNG BỐ CỦA CÁC BỘ PHẬN ..</b>	<b>21</b>

## Chương I: QUY ĐỊNH CHUNG

### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định về việc tổ chức và thực hiện công bố thông tin của Công ty Cổ phần Xây dựng Phục Hưng Holdings khi tham gia thị trường chứng khoán.
2. Đối tượng áp dụng:
  - a) Công ty Cổ phần Xây dựng Phục Hưng Holdings;
  - b) Nhà đầu tư thuộc đối tượng công bố thông tin;
  - c) Tổ chức, cá nhân có liên quan khác thuộc đối tượng công bố thông tin theo quy định của Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán và điều lệ Công ty Cổ phần Xây dựng Phục Hưng Holdings.

### Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. **UBCKNN** là chữ viết tắt của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
2. **SGDCK** là chữ viết tắt của Sở giao dịch Chứng khoán nơi Công ty Cổ phần Xây dựng Phục Hưng Holdings có cổ phiếu đăng ký giao dịch.
3. **PHC** là Công ty Cổ phần Xây dựng Phục Hưng Holdings.
4. Các thuật ngữ viết tắt:
  - **HĐQT** là Hội đồng quản trị;
  - **BCTC** là Báo cáo tài chính;
  - **CBTT** là Công bố thông tin;
  - **DHĐCĐ** là Đại hội đồng cổ đông ;
  - **TCTLK&BTCKVN** là Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam ;
  - **NĐT** là Nhà đầu tư.
5. **Đối tượng công bố thông tin** là các đối tượng quy định tại khoản 2, Điều 1 Quy chế này.
6. **Nhà đầu tư thuộc đối tượng công bố thông tin** bao gồm:
  - a) Nhà đầu tư là người nội bộ của PHC và người có liên quan của người nội bộ;
  - b) Cổ đông lớn, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết của PHC;
  - c) Cổ đông, nhóm người có liên quan mua vào để sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của PHC;
  - d) Tổ chức, cá nhân thực hiện chào mua công khai cổ phiếu của PHC.
7. **Người nội bộ** của PHC là:
  - a) Thành viên HĐQT;
  - b) Thành viên Ban kiểm soát;

c) Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc; Cá nhân giữ chức danh quản lý khác có thẩm quyền nhân danh PHC ký kết giao dịch của PHC theo quy định tại Điều lệ PHC;

d) Kế toán trưởng;

đ) Người được ủy quyền CBTT của PHC;

e) Thư ký PHC, người phụ trách quản trị PHC.

8. **Người có liên quan** là cá nhân hoặc tổ chức có quan hệ với nhau trong các trường hợp sau đây (quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán):

a) Cá nhân và bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, vợ, chồng, con, con nuôi, con dâu, con rể, anh, chị, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của cá nhân đó ;

b) Công ty và Cổ đông của PHC sở hữu từ 10% cổ phần có quyền biểu quyết;

c) Công ty và người nội bộ của PHC;

d) Tổ chức, cá nhân mà trong mỗi quan hệ với tổ chức, cá nhân khác trực tiếp, gián tiếp kiểm soát hoặc bị kiểm soát bởi tổ chức, cá nhân đó hoặc cùng với tổ chức, cá nhân đó chịu chung một sự kiểm soát;

đ) PHC và Công ty con của PHC;

e) Quan hệ hợp đồng trong đó một tổ chức, cá nhân là đại diện cho tổ chức, cá nhân kia;

g) Các trường hợp khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán.

9. **Ngày công bố thông tin** là ngày thông tin xuất hiện trên một trong các phương tiện CBTT quy định tại Khoản 1 Điều 5 Quy chế này.

10. **Ngày báo cáo** là ngày gửi fax, gửi dữ liệu điện tử, ngày thông tin được tiếp nhận trên hệ thống CBTT của UBCKNN, phương tiện CBTT của SGDCK hoặc ngày UBCKNN, SGDCK nhận được văn bản báo cáo tùy theo thời điểm nào đến trước.

11. **Số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết** là số cổ phiếu có quyền biểu quyết của PHC đã phát hành trừ đi số cổ phiếu có quyền biểu quyết được PHC mua lại làm cổ phiếu quỹ.

12. **Tổ chức kiểm toán được chấp thuận** là tổ chức kiểm toán độc lập thuộc danh sách các tổ chức kiểm toán được UBCKNN chấp thuận kiểm toán theo quy định của Luật Chứng khoán và pháp luật về kiểm toán độc lập.

13. **Ngày thực hiện giao dịch chứng khoán** được xác định như sau:

a) Là ngày đặt lệnh giao dịch trong trường hợp giao dịch thực hiện qua SGDCK;

b) Là ngày đăng ký thực hiện giao dịch quyền mua, đăng ký thực hiện quyền chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu trong trường hợp thực hiện quyền mua, quyền chuyển đổi trái phiếu;

c) Là ngày các bên đề nghị chuyển quyền sở hữu chứng khoán trong trường hợp giao dịch thực hiện qua TCTLK&BTCKVN;

d) Là ngày nộp phiếu tham dự đấu giá trong trường hợp thực hiện giao dịch qua phương thức đấu giá;

đ) Là ngày các bên đề nghị chuyển nhượng tại tổ chức phát hành trong trường hợp giao dịch không thực hiện qua TCTLK&BTCKVN và không thực hiện qua SGDCK.

14. **Ngày hoàn tất giao dịch chứng khoán** được xác định như sau:

- a) Là ngày kết thúc việc thanh toán giao dịch trong trường hợp giao dịch thực hiện qua SGDCK;
- b) Là ngày kết thúc việc thanh toán giao dịch trong trường hợp giao dịch thực hiện quyền mua;
- c) Là ngày hoàn tất việc chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu theo thông báo của tổ chức phát hành;
- d) Là ngày hiệu lực chuyển quyền sở hữu chứng khoán tại TCTLK&BTCKVN trong trường hợp giao dịch thực hiện qua TCTLK&BTCKVN;
- đ) Là ngày kết thúc việc thanh toán tiền mua cổ phần theo thông báo của tổ chức thực hiện bán đấu giá cổ phần trong trường hợp thực hiện giao dịch qua phương thức đấu giá;
- e) Là ngày tổ chức phát hành xác nhận hiệu lực của việc chuyển nhượng chứng khoán trong trường hợp giao dịch không thực hiện qua TCTLK&BTCKVN và không thực hiện qua SGDCK.

15. **Luật Doanh nghiệp** là Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020.

16. **Luật Chứng khoán** là Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019.

17. **Nghị định 155/2020/NĐ-CP** là Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán.

18. **Thông tư 51/2021/TT-BTC** là Thông tư số 51/2021/TT-BTC ngày 30/06/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân trong hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

19. **Thông tư 96/2020/TT-BTC** là Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn CBTT trên thị trường chứng khoán.

20. **Thông tư 118/2020/TT-BTC** là Thông tư số 118/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về chào bán, phát hành chứng khoán, chào mua công khai, mua lại cổ phiếu, đăng ký công ty đại chúng và hủy tư cách công ty đại chúng.

20. **Nghị định 156/2020/NĐ-CP** là Nghị định số 156/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán.

### **Điều 3. Nguyên tắc công bố thông tin**

1. Việc CBTT phải đầy đủ, chính xác, kịp thời theo quy định pháp luật và bảo đảm:

a) Đối tượng CBTT phải chịu trách nhiệm về nội dung thông tin công bố. Trường hợp có sự thay đổi nội dung thông tin đã công bố, đối tượng CBTT phải công bố kịp thời, đầy đủ nội dung thay đổi và lý do thay đổi so với thông tin đã công bố trước đó;

b) Việc công bố các thông tin cá nhân bao gồm số Thẻ căn cước công dân, số Chứng minh thư nhân dân, chứng minh quân nhân hoặc số Hộ chiếu còn hiệu lực, địa chỉ liên lạc, địa chỉ thường trú, số điện thoại, số fax, email, số tài khoản giao dịch chứng khoán, số tài khoản lưu ký chứng khoán, số tài khoản ngân hàng, mã số giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài sở hữu trên 50% vốn điều lệ chỉ được thực hiện nếu chủ thể liên quan đồng ý.

2. Các đối tượng CBTT khi CBTT phải đồng thời báo cáo UBCKNN và SGDCK về nội dung thông tin công bố, bao gồm đầy đủ các thông tin theo quy định. Trường hợp thông tin công bố bao gồm các thông tin cá nhân quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều này và các đối tượng CBTT

không đồng ý công khai các thông tin này thì phải gửi UBCKNN và SGDCK 02 bản tài liệu, trong đó 01 bản bao gồm đầy đủ thông tin cá nhân và 01 bản không bao gồm thông tin cá nhân để UBCKNN và SGDCK thực hiện CBTT.

3. PHC có trách nhiệm bảo quản, lưu giữ thông tin đã báo cáo, công bố theo quy định sau:

- a) Các thông tin công bố định kỳ, thông tin về việc đăng ký công ty đại chúng phải được lưu giữ dưới dạng văn bản (nếu có) và dữ liệu điện tử tối thiểu 10 năm. Các thông tin này phải được lưu giữ và truy cập được trên trang thông tin điện tử của PHC tối thiểu là 05 năm;
- b) Các thông tin công bố bất thường, theo yêu cầu hoặc các hoạt động khác phải được lưu giữ và truy cập được trên trang thông tin điện tử của PHC tối thiểu 05 năm.

4. Ngôn ngữ thông tin công bố là tiếng Việt.

#### **Điều 4. Người thực hiện công bố thông tin**

1. PHC thực hiện nghĩa vụ CBTT thông qua 01 người đại diện theo pháp luật hoặc 01 cá nhân là người được ủy quyền CBTT của PHC.

a) Người đại diện theo pháp luật phải chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác và kịp thời về thông tin do người được ủy quyền CBTT công bố. Trường hợp phát sinh sự kiện CBTT mà tất cả người đại diện theo pháp luật và người được ủy quyền CBTT đều vắng mặt thì Tổng Giám đốc có trách nhiệm thay thế thực hiện CBTT;

b) PHC phải báo cáo, báo cáo lại thông tin về người thực hiện CBTT cho UBCKNN và SGDCK trong thời hạn 24 giờ kể từ khi việc chỉ định, ủy quyền hoặc thay đổi người thực hiện CBTT có hiệu lực. Nội dung thông tin báo cáo về người thực hiện CBTT bao gồm: Giấy ủy quyền CBTT theo mẫu quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 96/2020/TT-BTC, Bản cung cấp thông tin theo mẫu quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư 96/2020/TT-BTC.

2. NĐT là cá nhân thuộc đối tượng CBTT tại Điểm b Khoản 2 Điều 1 Quy chế này, trường hợp nếu ủy quyền cho PHC thực hiện CBTT thì NĐT cá nhân phải chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác và kịp thời về thông tin do người được ủy quyền CBTT công bố. NĐT có trách nhiệm cung cấp chính xác, kịp thời và đầy đủ thông tin về tình trạng sở hữu chứng khoán của mình và mối quan hệ với người có liên quan (nếu có) cho tổ chức hoặc cá nhân được ủy quyền CBTT để những người này thực hiện nghĩa vụ báo cáo sở hữu, CBTT theo quy định pháp luật;

#### **Điều 5. Phương tiện công bố thông tin**

1. Các phương tiện PHC sử dụng CBTT bao gồm:

- a) Trang thông tin điện tử (website) của PHC;
- b) Hệ thống CBTT của UBCKNN;
- c) Trang thông tin điện tử của SGDCK;
- d) Trang thông tin điện tử của TCTLK&BTCKVN;
- đ) Các phương tiện thông tin đại chúng khác theo quy định pháp luật (báo in, báo điện tử).

2. PHC sử dụng trang thông tin điện tử để thực hiện CBTT theo quy định sau:

a) PHC phải báo cáo với UBCKNN, SGDCK và công khai địa chỉ trang thông tin điện tử và mọi thay đổi liên quan đến địa chỉ này trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày hoàn tất việc lập trang thông tin điện tử hoặc khi thay đổi trang thông tin điện tử này;

b) Trang thông tin điện tử phải có các nội dung về ngành, nghề kinh doanh và các nội dung phải thông báo công khai trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp và mọi thay đổi liên quan tới các nội dung này; chuyên mục riêng về quan hệ cổ đông (nhà đầu tư), trong đó phải công bố Điều lệ PHC, Quy chế CBTT, Quy chế hoạt động HĐQT, Ban kiểm soát, Quy chế quản trị nội bộ, Bản cáo bạch (nếu có) và các thông tin công bố định kỳ, bất thường và theo quy định của pháp luật;

c) Trang thông tin điện tử phải hiển thị thời gian đăng tải thông tin, đồng thời phải đảm bảo NĐT có thể dễ dàng tìm kiếm và tiếp cận được các dữ liệu trên trang thông tin điện tử đó.

3. Trường hợp nghĩa vụ CBTT phát sinh vào ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định của pháp luật, PHC thực hiện CBTT trên trang thông tin điện tử của PHC và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ CBTT theo quy định pháp luật vào ngày làm việc liền sau ngày nghỉ, ngày lễ;

4. Trường hợp nghĩa vụ CBTT phát sinh vào ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định pháp luật của các đối tượng không thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này thực hiện nghĩa vụ CBTT theo quy định pháp luật vào ngày làm việc liền sau ngày nghỉ, ngày lễ.

### **Điều 6. Tạm hoãn công bố thông tin**

1. PHC tạm hoãn CBTT trong trường hợp vì những lý do bất khả kháng (thiên tai, hỏa hoạn, chiến tranh, dịch bệnh, ...). PHC báo cáo UBCKNN, SGDCK về việc tạm hoãn CBTT ngay khi xảy ra sự kiện, trong đó nêu rõ lý do của việc tạm hoãn CBTT, đồng thời công bố về việc tạm hoãn CBTT.

2. Ngay sau khi đã khắc phục được tình trạng bất khả kháng, PHC có trách nhiệm công bố đầy đủ các thông tin mà trước đó chưa công bố theo quy định pháp luật.

## **Chương II: CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA PHC**

### **MỤC 1: CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ**

#### **Điều 7. Công bố báo cáo tài chính năm**

1. BCTC đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận theo nguyên tắc sau:


a) BCTC phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. PHC phải công bố 02 báo cáo: BCTC năm tổng hợp và BCTC năm hợp nhất theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp;

b) PHC phải CBTT về BCTC năm đã được kiểm toán bao gồm cả báo cáo kiểm toán về BCTC đó và văn bản giải trình của PHC trong trường hợp tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC;

2. Thời hạn công bố: BCTC năm đã được kiểm toán phải được công bố trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán, nhưng không vượt quá 90 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

#### **Điều 8. Báo cáo tài chính bán niên**

1. PHC phải công bố BCTC bán niên đã được soát xét bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận:

a) BCTC bán niên phải là BCTC giữa niên độ dạng đầy đủ theo Chuẩn mực kế toán “Báo cáo tài chính giữa niên độ”, trình bày số liệu tài chính trong 06 tháng đầu năm tài chính của PHC, được lập theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 7 Quy chế này; 



b) BCTC bán niên phải được soát xét theo Chuẩn mực về công tác soát xét BCTC. Toàn văn BCTC bán niên phải được công bố đầy đủ, kèm theo kết luận soát xét và văn bản giải trình của PHC trong trường hợp kết luận soát xét không phải là kết luận chấp nhận toàn phần ;

2. Thời hạn công bố: PHC phải công bố BCTC bán niên đã được soát xét trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét nhưng không được vượt quá 60 ngày, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm tài chính.

### **Điều 9. Báo cáo tài chính quý**

1. PHC phải công bố BCTC quý hoặc BCTC quý đã được soát xét (nếu có).

a) BCTC quý phải là BCTC giữa niên độ dạng đầy đủ theo Chuẩn mực kế toán “Báo cáo tài chính giữa niên độ”, được lập theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 7 Quy chế này.

b) Toàn văn BCTC quý phải được công bố đầy đủ kèm theo kết luận soát xét và văn bản giải trình của PHC trong trường hợp kết luận soát xét không phải là kết luận chấp nhận toàn phần.

2. Thời hạn công bố: PHC phải công bố BCTC quý trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày kết thúc quý. Trường hợp có soát xét, PHC công bố BCTC quý được soát xét trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét nhưng không được vượt quá 45 ngày, kể từ ngày kết thúc quý.

Trường hợp PHC đã thực hiện công bố BCTC quý đã được soát xét trong thời hạn quy định của BCTC quý thì không phải thực hiện công bố BCTC quý.

### **Điều 10. Các trường hợp phải giải trình nguyên nhân khi công bố báo cáo tài chính**

Khi CBTT các BCTC nêu tại Điều 7, Điều 8, Điều 9 Quy chế này PHC phải đồng thời giải trình nguyên nhân khi xảy ra một trong các trường hợp sau:

- Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước;
- Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ; hoặc chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại;
- Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán hoặc soát xét từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại.

### **Điều 11. Thông tin báo cáo thường niên**

1. Báo cáo thường niên được lập theo Phụ lục số IV ban hành kèm theo Thông tư 96/2020/TT-BTC.


2. Thời hạn công bố là 20 ngày kể từ ngày công bố báo cáo tài chính năm được kiểm toán nhưng không vượt quá 110 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

3. Thông tin tài chính trong báo cáo thường niên phải phù hợp với BCTC năm được kiểm toán.

### **Điều 12. Thông tin về cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên**

1. Trường hợp lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ, PHC phải CBTT tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.

2. Tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông:

a) Chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc họp ĐHĐCĐ, PHC công bố trên trang thông tin điện tử của PHC và của UBCKNN, SGDCK về việc họp ĐHĐCĐ, trong đó nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp ĐHĐCĐ thường niên, bao gồm: 

- Thông báo mời hợp;
- Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự hợp;
- Chương trình hợp, phiếu biểu quyết;
- Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Ban Kiểm soát, thành viên Hội đồng quản trị;
- Các tài liệu tham khảo làm cơ sở thông qua quyết định và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình hợp.

b) Tài liệu hợp ĐHĐCĐ phải được đăng tải và cập nhật các sửa đổi, bổ sung (nếu có) cho tới khi kết thúc ĐHĐCĐ.

c) Trường hợp không tổ chức thành công cuộc họp ĐHĐCĐ lần thứ nhất, PHC phải công bố về chương trình và thời điểm dự kiến tổ chức các cuộc họp kế tiếp, tiếp tục duy trì việc đăng tải và cho phép cổ đông tải tài liệu hợp ĐHĐCĐ theo quy định tại Điểm a Khoản này cho đến khi tổ chức thành công ĐHĐCĐ.

3. Biên bản họp, nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên và tài liệu kèm theo trong biên bản, nghị quyết phải được **công bố trong thời hạn 24 giờ** kể từ khi được ĐHĐCĐ thông qua. Nội dung này được nhắc lại tại điểm c1, khoản 1, điều 16, Mục 2 Quy chế này.

### **Điều 13. Công bố thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài**

Công ty CBTT về giới hạn tỷ lệ sở hữu nước ngoài của PHC và các thay đổi liên quan đến tỷ lệ sở hữu này trên trang thông tin điện tử của PHC, của SGDC và TCTLK&BTCKVN và hệ thống CBTT của UBCKNN theo quy định pháp luật chứng khoán hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

### **Điều 14. Công bố thông tin về báo cáo tiến độ sử dụng vốn**

1. Trường hợp PHC chào bán chứng khoán, thực hiện CBTT về báo cáo sử dụng vốn theo quy định tại Điều 9 Nghị định 155/2020/NĐ-CP cụ thể như sau:

a) Trường hợp chào bán chứng khoán ra công chúng:


Trường hợp huy động vốn để thực hiện dự án đầu tư, định kỳ 06 tháng kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán cho đến khi đã giải ngân hết số tiền huy động được, PHC phải báo cáo UBCKNN theo Mẫu số 01 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 155/2020/NĐ-CP và CBTT về tiến độ sử dụng vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán để thực hiện dự án trên trang thông tin điện tử của PHC, SGDC trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc các thời hạn nêu trên.

PHC phải công bố báo cáo sử dụng vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán để thực hiện dự án được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên hoặc thuyết minh chi tiết việc sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán, số tiền thu được từ đợt chào bán để thực hiện dự án trong BCTC năm được kiểm toán xác nhận.

b) Trường hợp chào bán cổ phiếu riêng lẻ: PHC phải báo cáo và CBTT về việc sử dụng vốn như với trường hợp chào bán chứng khoán ra công chúng.

2. Thay đổi về phương án sử dụng vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán:

a) Mọi thay đổi về phương án sử dụng vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán phải được báo cáo ĐHĐCĐ tại cuộc họp gần nhất.

b) Thẩm quyền quyết định thay đổi phương án sử dụng vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán: 

- HĐQT thông qua (i) phương án sử dụng vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán với giá trị thay đổi nhỏ hơn 50% số vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán khi được ĐHĐCĐ ủy quyền; (ii) các trường hợp chào bán trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền;

- ĐHĐCĐ thông qua các trường hợp còn lại.

c) Trong thời hạn 24 giờ kể từ thời điểm có quyết định về việc thay đổi phương án sử dụng vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán, PHC có trách nhiệm:

- Báo cáo UBCKNN về việc thay đổi phương án sử dụng vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán theo Mẫu số 02 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 155/2020/NĐ-CP;

- CBTT trên trang thông tin điện tử của PHC, SGDCK về lý do thay đổi kèm theo quyết định về việc thay đổi.

### **Điều 15. Báo cáo tình hình quản trị PHC và Báo cáo danh sách cổ đông nhà nước, cổ đông lớn**

1. Định kỳ 06 tháng đầu năm và kết thúc năm dương lịch, PHC phải CBTT về báo cáo tình hình quản trị PHC theo Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư 96/2020/TT-BTC. Thời hạn CBTT Báo cáo tình hình quản trị PHC chậm nhất là 30 ngày, kể từ ngày kết thúc kỳ báo cáo.

2. PHC gửi báo cáo danh sách cổ đông nhà nước, cổ đông lớn tại thời điểm 6 tháng đầu năm và 6 tháng cuối năm dương lịch cho SGDCK Thành phố Hồ Chí Minh. Báo cáo 6 tháng đầu năm căn cứ trên danh sách cổ đông được chốt tại thời điểm gần nhất trước ngày 31 tháng 05 hàng năm và gửi cho SGDCK chậm nhất là ngày 10 tháng 06 hàng năm; Báo cáo 6 tháng cuối năm căn cứ trên danh sách cổ đông chốt tại thời điểm gần nhất trước ngày 30 tháng 11 hàng năm và gửi cho SGDCK chậm nhất là ngày 10 tháng 12 hàng năm theo mẫu của SGDCK Thành phố Hồ Chí Minh và 01 bản dữ liệu điện tử định dạng XLS .

## **MỤC 2: CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG**

### **Điều 16. Công bố thông tin bất thường 24 giờ**

1. Các thông tin bất thường dưới đây được công bố trong **thời hạn 24 giờ**, kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây:

a) Tài khoản của PHC tại ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị phong tỏa hoặc được phép hoạt động trở lại sau khi bị phong tỏa, ngoại trừ trường hợp phong tỏa theo yêu cầu của chính PHC;

b) Khi nhận được văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc khi công ty có quyết định về tạm ngừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh; thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp; thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; sửa đổi, bổ sung hoặc bị đình chỉ, thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt động;

c1) Biên bản họp, nghị quyết đã được ĐHĐCĐ thường niên thông qua và tài liệu kèm theo trong biên bản, nghị quyết;

c2) Thông qua quyết định của ĐHĐCĐ bất thường (*bao gồm nghị quyết của ĐHĐCĐ, biên bản họp hoặc biên bản kiểm phiếu (trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản)*). Trường hợp ĐHĐCĐ thông qua việc hủy niêm yết, PHC phải CBTT về việc hủy niêm yết kèm theo tỷ lệ thông qua của cổ đông không phải là cổ đông lớn;

d) Quyết định mua lại cổ phiếu của PHC hoặc bán cổ phiếu quỹ; ngày thực hiện quyền mua cổ phần của người sở hữu trái phiếu kèm theo quyền mua cổ phần hoặc ngày thực hiện chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi sang cổ phiếu; quyết định chào bán chứng khoán ra nước ngoài và các quyết định liên quan đến việc chào bán, phát hành chứng khoán;

đ) Quyết định về mức cổ tức, hình thức trả cổ tức, thời gian trả cổ tức; quyết định tách, gộp cổ phiếu;

e) Quyết định về việc tổ chức lại doanh nghiệp (*chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp*), giải thể, phá sản doanh nghiệp; thay đổi tên Công ty, con dấu của Công ty; thay đổi địa điểm, thành lập mới hoặc đóng cửa trụ sở chính, chi nhánh, nhà máy, văn phòng đại diện; ban hành, sửa đổi, bổ sung Điều lệ; chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của PHC;

f) Quyết định thay đổi kỳ kế toán, chính sách kế toán áp dụng (trừ trường hợp thay đổi chính sách kế toán áp dụng do thay đổi quy định pháp luật); Thông báo doanh nghiệp kiểm toán đã ký hợp đồng kiểm toán BCTC năm hoặc thay đổi doanh nghiệp kiểm toán (sau khi đã ký hợp đồng); việc hủy hợp đồng kiểm toán đã ký;

g) Quyết định tham gia góp vốn thành lập, mua để tăng sở hữu trong một công ty dẫn đến công ty đó trở thành công ty con, công ty liên kết hoặc bán để giảm sở hữu tại công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết dẫn đến công ty đó không còn là công ty con, công ty liên kết hoặc giải thể công ty con, công ty liên kết;

h.1) Quyết định của ĐHĐCĐ hoặc HĐQT thông qua hợp đồng, giao dịch giữa PHC với người nội bộ hoặc người có liên quan của người nội bộ hoặc người có liên quan của PHC;

h.2) Quyết định trúng các gói thầu có giá trị từ 150 tỷ trở lên. Riêng mục này chỉ công bố trên website của PHC.

k) Khi có sự thay đổi số cổ phiếu có quyền biểu quyết đang lưu hành. Thời điểm CBTT thực hiện như sau:

- Trường hợp mua lại cổ phiếu của người lao động theo quy chế phát hành cổ phiếu cho người lao động hoặc mua lại cổ phiếu lô lẻ theo yêu cầu của cổ đông. Thông tin được công bố trong vòng 10 ngày đầu tiên của tháng trên cơ sở các giao dịch đã hoàn tất và cập nhật đến ngày CBTT;

- Trường hợp PHC phát hành thêm cổ phiếu hoặc chuyển đổi trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi thành cổ phiếu, tính từ thời điểm PHC báo cáo UBCKNN về kết quả phát hành, kết quả chuyển đổi theo quy định pháp luật về phát hành chứng khoán;

- Trường hợp PHC mua lại cổ phiếu của chính mình hoặc bán cổ phiếu quỹ, tính từ thời điểm PHC báo cáo kết quả giao dịch theo quy định pháp luật về mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ;

- Các trường hợp khác theo quy định CBTT cụ thể đối với từng trường hợp.

CBTT với SGDCCK: Thực hiện theo mẫu Phụ lục V kèm theo Quy chế CBTT tại SGDCCK Việt Nam (Theo QĐ số 21/QĐ-SGDVN ngày 21/12/2021). Ngoài ra, PHC có trách nhiệm công bố khối lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết đang lưu hành trên trang thông tin điện tử của PHC và cập nhật dữ liệu trong vòng 24 giờ, kể từ khi báo cáo UBCKNN về kết quả phát hành hoặc giao dịch cổ phiếu quỹ hoặc các trường hợp khác dẫn đến thay đổi số lượng cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết.

l) Khi nhận được Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh; Đối với thông tin công bố về thay đổi nội dung trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (*tên doanh nghiệp, địa chỉ, vốn điều lệ, ngành nghề kinh doanh, người đại diện theo pháp luật,...*) PHC thực hiện CBTT tới SGDCCK Thành phố Hồ Chí Minh kèm theo Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh.

m) PHC thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm người nội bộ, nhận được đơn xin từ chức của người nội bộ (nêu rõ về thời điểm hiệu lực). Đồng thời, PHC gửi cho UBCKNN và SGĐCK Bản cung cấp thông tin của người nội bộ mới (nếu có) theo Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư 96/2020/TT-BTC; Thực hiện CBTT theo Mẫu Phụ lục I kèm theo Quy chế CBTT tại SGĐCK Việt Nam.

Trường hợp có phát sinh thay đổi người có liên quan của người nội bộ, PHC thực hiện báo cáo SGĐCK theo Mẫu Phụ lục II kèm theo Quy chế CBTT tại SGĐCK Việt Nam.

n) Quyết định mua, bán tài sản hoặc thực hiện các giao dịch có giá trị lớn hơn 15% tổng tài sản của PHC căn cứ vào BCTC hợp nhất của năm gần nhất được kiểm toán hoặc BCTC hợp nhất 06 tháng gần nhất được soát xét;

o) Khi nhận được quyết định khởi tố đối với PHC, người nội bộ của PHC; tạm giam, truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người nội bộ của PHC;

p) Khi nhận được bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án liên quan đến hoạt động của PHC; Quyết định xử phạt vi phạm pháp luật về thuế;

q) PHC nhận được thông báo của Tòa án thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản doanh nghiệp;

r) Khi xảy ra các sự kiện khác có ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất, kinh doanh hoặc tình hình quản trị của PHC;

s) Trường hợp PHC mua lại cổ phiếu của chính mình, sau khi thanh toán hết số cổ phiếu mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán giảm hơn 10% thì PHC phải thông báo cho tất cả các chủ nợ biết và CBTT trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày hoàn tất nghĩa vụ thanh toán việc mua lại cổ phiếu;

t) Quyết định tăng, giảm vốn điều lệ; quyết định góp vốn đầu tư vào một tổ chức, dự án, vay, cho vay hoặc các giao dịch khác với giá trị từ 10% trở lên trên tổng tài sản của PHC tại BCTC hợp nhất của năm gần nhất được kiểm toán hoặc BCTC hợp nhất bán niên gần nhất được soát xét; quyết định góp vốn có giá trị từ 50% trở lên vốn điều lệ của một tổ chức (xác định theo vốn điều lệ của tổ chức nhận vốn góp trước thời điểm góp vốn);

2. Khi CBTT theo quy định tại Khoản 1 Điều này, PHC phải nêu rõ sự kiện xảy ra, nguyên nhân và các giải pháp khắc phục (nếu có).

### **Điều 17. Công bố thông tin Đại hội đồng cổ đông bất thường**

1. Việc CBTT về ĐHĐCĐ bất thường thực hiện theo quy định tại Điều 12 Quy chế này.

2. Trường hợp lấy ý kiến ĐHĐCĐ bằng văn bản, chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến, PHC phải công bố trên trang thông tin điện tử của mình, đồng thời gửi cho tất cả các cổ đông phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết ĐHĐCĐ và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết.

### **Điều 18. Công bố thông tin về ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu**

PHC CBTT về ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu tối thiểu 10 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến, ngoại trừ trường hợp CBTT về ngày đăng ký cuối cùng chốt quyền tham dự họp ĐHĐCĐ thực hiện theo khoản 1 Điều 12 Quy chế này.

Trường hợp PHC hủy thông báo về ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền liên quan đến tỷ lệ thực hiện, các trường hợp phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và các trường hợp liên quan đến việc điều chỉnh giá tham chiếu tại ngày giao dịch không hưởng quyền của SGĐCK,

PHC CBTT và gửi thông báo bằng văn bản cho SGĐCK nêu rõ lý do hủy nội dung thông báo chậm nhất 05 ngày làm việc trước ngày đăng ký cuối cùng.

### **Điều 19. Công bố thông tin bất thường trong các trường hợp đặc biệt khác**

Sau khi thay đổi kỳ kế toán, công ty đại chúng công bố BCTC cho giai đoạn giữa 02 kỳ kế toán của năm tài chính cũ và năm tài chính mới theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng không quá 90 ngày kể từ ngày bắt đầu của năm tài chính mới;

## **MỤC 3: CÔNG BỐ THÔNG TIN THEO YÊU CẦU**

### **Điều 20. Công bố thông tin theo yêu cầu**

1. PHC công bố thông tin trong vòng 24 giờ, kể từ khi nhận được yêu cầu của UBCKNN, SGĐCK trong các trường hợp sau đây:

- a) Khi xảy ra sự kiện ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư;
- b) Có thông tin liên quan đến PHC làm ảnh hưởng lớn đến giá chứng khoán và cần phải xác nhận thông tin đó.

2. Nội dung thông tin công bố theo yêu cầu phải nêu rõ sự kiện được UBCKNN, SGĐCK yêu cầu công bố; nguyên nhân và đánh giá của PHC về tính xác thực của sự kiện đó, giải pháp khắc phục (nếu có).

## **MỤC 4: CÔNG BỐ THÔNG TIN KHÁC**

### **Điều 21. Công bố thông tin liên quan đến việc phát hành cổ phiếu, trái phiếu**

1. Khi phát hành cổ phiếu, trái phiếu ra công chúng, PHC thực hiện CBTT về việc chào bán cổ phiếu, trái phiếu doanh nghiệp ra công chúng theo quy định pháp luật về chào bán cổ phiếu, trái phiếu ra công chúng.
2. Khi phát hành cổ phiếu, trái phiếu riêng lẻ, PHC thực hiện CBTT về việc chào bán cổ phiếu, trái phiếu doanh nghiệp ra công chúng theo quy định pháp luật về chào bán cổ phiếu, trái phiếu riêng lẻ.

### **Điều 22. Thông tin về chào mua công khai**

#### **1. Trường hợp PHC có cổ phiếu là đối tượng chào mua công khai**

- a) Khi PHC nhận được đề nghị chào mua công khai

Tổ chức, cá nhân chào mua công khai cổ phiếu của PHC phải gửi hồ sơ đăng ký chào mua đến UBCKNN và PHC. Trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày nhận được tài liệu đăng ký chào mua, PHC có nghĩa vụ CBTT về việc nhận được đề nghị chào mua trên phương tiện CBTT của PHC và SGĐCK.

- b) Công bố ý kiến của HĐQT về đề nghị chào mua công khai:

- Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được tài liệu đăng ký chào mua, HĐQT phải gửi UBCKNN và thông tin cho cổ đông hoặc nhà đầu tư biết ý kiến của PHC đối với đề nghị chào mua công khai;

- Ý kiến của HĐQT phải được thể hiện bằng văn bản, có chữ ký của đa số thành viên HĐQT và phải nêu rõ đánh giá của HĐQT đối với việc chào mua cổ phiếu. Trường hợp có ý kiến

thành viên HĐQT khác với đánh giá của HĐQT, các bên có liên quan phải công bố kèm theo ý kiến này.

**2. Trường hợp PHC thực hiện chào mua công khai cổ phiếu của PHC khác thực hiện CBTT theo quy định tại Chương II Nghị định 155/2020/NĐ-CP, Thông tư 118/2020/TT-BTC**

**Điều 23. Mua lại cổ phiếu, bán cổ phiếu quỹ**

PHC khi giao dịch cổ phiếu quỹ thực hiện CBTT theo quy định tại Thông tư 96/2020/TT-BTC, Nghị định 155/2020/NĐ-CP, Thông tư 118/2020/TT-BTC và các văn bản hướng dẫn, cụ thể:

1. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày UBCKNN thông báo về việc nhận được đầy đủ tài liệu báo cáo mua lại cổ phiếu, bán cổ phiếu quỹ, PHC phải CBTT trên phương tiện thông tin đại chúng theo Phụ lục số 36 ban hành kèm theo Thông tư 118/2020/TT-BTC.
2. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc giao dịch mua lại cổ phiếu, bán cổ phiếu quỹ, PHC phải gửi báo cáo kết quả giao dịch cho UBCKNN và CBTT ra công chúng theo mẫu Phụ lục số 39 ban hành kèm theo Thông tư 118/2020/TT-BTC. Trong trường hợp PHC không thực hiện hết số lượng cổ phiếu dự kiến giao dịch, PHC phải báo cáo và công bố lý do không hoàn thành.
3. Khi mua lại cổ phiếu, bán cổ phiếu quỹ PHC phải thực hiện CBTT trên phương tiện CBTT của SGDCK. Nội dung và thời điểm CBTT theo quy định tại Khoản 1, 2 Điều này.
4. Trường hợp mua lại cổ phiếu, sau khi thanh toán hết số cổ phiếu mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán giảm hơn 10% thì PHC phải thông báo cho tất cả các chủ nợ biết và CBTT trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày hoàn tất nghĩa vụ thanh toán việc mua lại cổ phiếu.
5. PHC chỉ được thay đổi phương án mua lại cổ phiếu như đã báo cáo trong trường hợp bất khả kháng theo quy định tại Khoản 1 Điều 11 Thông tư 118/2020/TT-BTC và phải được chấp thuận bởi UBCKNN. Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi ra quyết định thay đổi phương án mua lại cổ phiếu, PHC phải báo cáo UBCKNN, đồng thời thực hiện CBTT trên trang thông tin điện tử của PHC, phương tiện CBTT của UBCKNN, SGDCK về quyết định thay đổi theo Mẫu tại Phụ lục số 37 ban hành kèm theo Thông tư 118/2020/TT-BTC.
6. Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi được UBCKNN chấp thuận thay đổi phương án mua lại cổ phiếu, PHC phải CBTT trên trang thông tin điện tử của mình, phương tiện CBTT của UBCKNN, SGDCK về việc thay đổi phương án mua lại cổ phiếu theo Mẫu tại Phụ lục số 38 ban hành kèm theo Thông tư 118/2020/TT-BTC.
7. PHC thực hiện thay đổi việc mua lại cổ phiếu sau khi CBTT theo quy định tại khoản 6 Điều này.

**Chương III: CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA NHÀ ĐẦU TƯ THUỘC ĐỐI TƯỢNG CÔNG BỐ THÔNG TIN**

**Điều 24. Công bố thông tin về sở hữu cổ phiếu của cổ đông lớn**

1. Tổ chức, cá nhân, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của PHC; khi không còn là cổ đông lớn; khi có sự tăng hoặc giảm tỷ lệ sở hữu cổ phiếu qua các ngưỡng 1% thực hiện CBTT theo quy định tại Điều 31 Thông tư 96/2020/TT-BTC.

Việc thay đổi số lượng cổ phiếu vượt quá các ngưỡng 1% nêu tại khoản 2 Điều 31 Thông tư 96/2020/TT-BTC được xác định tại các ngưỡng 6%, 7%, 8%,... (không căn cứ trên tỷ lệ sở hữu của lần báo cáo gần nhất).

2. Trường hợp tỷ lệ sở hữu cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết của cổ đông lớn thay đổi do PHC thực hiện mua/bán cổ phiếu quỹ hoặc phát hành thêm cổ phiếu trong khi nhà đầu tư không thực hiện giao dịch mua/bán cổ phiếu hoặc không thực hiện quyền mua cổ phiếu thì không phải CBTT theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 31 Thông tư 96/2020/TT-BTC.

3. Thời điểm bắt đầu, kết thúc việc nắm giữ từ 5% số lượng cổ phiếu hoặc thời điểm thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phiếu qua các ngưỡng 1% nêu tại Khoản 1, 2 Điều này được tính kể từ thời điểm hoàn tất giao dịch chứng khoán theo quy định tại Khoản 13 Điều 2 Quy chế này.

4. Quy định tại Khoản 1, 2 Điều này không áp dụng đối với trường hợp thay đổi tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết phát sinh do PHC giao dịch cổ phiếu quỹ hoặc phát hành thêm cổ phiếu.

5. Công ty công bố trên trang thông tin điện tử của PHC trong vòng 03 ngày làm việc sau khi nhận được báo cáo liên quan đến sự thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của các đối tượng được quy định tại Điều này.

#### **Điều 25. Công bố thông tin về giao dịch của người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ**

1. Người nội bộ của PHC và người có liên quan của người nội bộ phải CBTT và thực hiện các yêu cầu liên quan về giao dịch theo quy định tại Điều 33 Thông tư 96/2020/TT-BTC như sau:

a) Trước ngày thực hiện giao dịch tối thiểu là 03 ngày làm việc phải CBTT về việc dự kiến giao dịch khi giá trị giao dịch dự kiến trong ngày từ 50 triệu đồng trở lên hoặc giá trị giao dịch dự kiến trong từng tháng từ 200 triệu đồng trở lên tính theo mệnh giá (đối với cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, chứng chỉ quỹ) hoặc theo giá phát hành gần nhất (đối với chứng quyền có bảo đảm) hoặc giá trị chuyển nhượng (đối với quyền mua cổ phiếu, quyền mua trái phiếu chuyển đổi, quyền mua chứng chỉ quỹ) ...

b) Mẫu CBTT thực hiện theo Phụ lục XIII hoặc Phụ lục XIV ban hành kèm theo Thông tư 96/2020/TT-BTC

c) Thời hạn thực hiện giao dịch không được quá 30 ngày, kể từ ngày đăng ký thực hiện giao dịch, phải thực hiện theo thời gian, khối lượng, giá trị do SGDCK đã CBTT và chỉ được bắt đầu tiến hành phiên giao dịch đầu tiên vào ngày giao dịch liền sau ngày có thông tin công bố từ SGDCK;

d) Không được đồng thời đăng ký mua và bán cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, quyền mua trái phiếu chuyển đổi của PHC trong cùng một đợt đăng ký, giao dịch và chỉ được đăng ký, thực hiện giao dịch tiếp theo khi đã báo cáo kết thúc đợt giao dịch trước đó.

2. Theo quy định tại Điều 33 Thông tư 96/2020/TT-BTC, người nội bộ của PHC và người có liên quan của người nội bộ phải báo cáo và thực hiện các yêu cầu liên quan như sau:

a) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất giao dịch (trường hợp giao dịch kết thúc trước thời hạn đăng ký) hoặc kết thúc thời hạn dự kiến giao dịch, phải CBTT về kết quả giao dịch đồng thời giải trình nguyên nhân không thực hiện được giao dịch hoặc không thực hiện hết khối lượng đăng ký (nếu có);

b) Báo cáo thực hiện theo Phụ lục XV hoặc Phụ lục XVI ban hành kèm theo Thông tư 96/2020/TT-BTC.



3. Trường hợp sau khi đăng ký giao dịch, đối tượng đăng ký giao dịch không còn là người nội bộ của PHC hoặc người có liên quan của người nội bộ, đối tượng đăng ký giao dịch vẫn phải thực hiện việc báo cáo và CBTT theo quy định tại Khoản 1, 2 Điều này.
4. Trường hợp người nội bộ của PHC hoặc người có liên quan của người nội bộ đồng thời là cổ đông lớn thì chỉ phải thực hiện nghĩa vụ CBTT áp dụng đối với người nội bộ và người có liên quan.
5. Trường hợp các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội của PHC (công đoàn, đoàn thanh niên...) thực hiện giao dịch chứng khoán của PHC phải thực hiện nghĩa vụ CBTT như quy định đối với người nội bộ và người có liên quan tại Khoản 1, 2, 3 Điều này.
6. Trong vòng 03 ngày làm việc sau khi nhận được các báo cáo liên quan đến giao dịch chứng khoán của người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ theo quy định tại Điều này, PHC phải công bố trên trang thông tin điện tử của PHC.

## **Chương IV: QUY TRÌNH CÔNG BỐ THÔNG TIN**

### **Điều 26. Tổ chức công bố thông tin**

#### **1. Thông tin PHC có nghĩa vụ công bố:**

- a) CBTT định kì được thực hiện theo một quy trình đảm bảo thông tin luôn được công bố kịp thời, đúng quy định;
- b) Các thông tin bất thường về thời gian nhưng thường xuyên phát sinh trong quá trình hoạt động của doanh nghiệp cũng được thực hiện theo một quy trình có thể kiểm soát.
- c) Các thông tin bất thường khác và thông tin công bố theo yêu cầu phải có quy định xử lý từ khi tiếp nhận thông tin đến khi CBTT.

#### **2. Các thông tin PHC tiếp nhận từ các đối tượng có nghĩa vụ công bố:**

- a) PHC lập, lưu trữ thông tin, cập nhật danh sách tổ chức, cá nhân, nhóm người sở hữu 5% số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết để theo dõi nghĩa vụ CBTT.
- b) PHC lập, lưu trữ danh sách, thông tin người nội bộ và người có liên quan người nội bộ. Danh sách và thông tin được cập nhật thường xuyên mỗi khi có thay đổi.
- c) Việc tiếp nhận, xử lý thông tin từ các đối tượng có nghĩa vụ công bố ở Điểm a, Điểm b Khoản này và các đối tượng khác, sau đó PHC thực hiện công bố theo quy định phải được xác lập bằng một quy trình có thể kiểm soát.

### **Điều 27. Quy trình công bố thông tin**

#### **1. Tiếp nhận yêu cầu CBTT:**

- a) Thông tin định kì đã được xác lập về thời gian và giao cho từng cá nhân, đơn vị cụ thể có trách nhiệm xử lý thông tin;
- b) Việc tiếp nhận từng loại thông tin bất thường, thông tin theo yêu cầu phải công bố phải được giao cụ thể cho từng đơn vị có trách nhiệm tiếp nhận. Khi có thông tin đến, bất cứ cá nhân, đơn vị nào tiếp nhận cũng phải được chuyển đến đơn vị có trách nhiệm tiếp nhận để xử lý chuyên tiếp.

#### **2. Xử lý thông tin:**

- a) Xử lý thông tin là quá trình tạo ra thông tin để công bố; *Ng*

b) Các cá nhân, đơn vị được giao trách nhiệm xử lý thông tin có quyền yêu cầu trong nội bộ PHC cũng như các đơn vị có vốn góp của PHC, hoặc các đối tượng liên quan khác cung cấp thông tin để phục vụ xử lý thông tin, phù hợp với các quy định của pháp luật và quy chế của PHC;

c) Thông tin sau khi xử lý phải được người có trách nhiệm phê duyệt;

d) Thông tin phải có định dạng sau:

- Văn bản là bản chính có đầy đủ dấu và chữ ký hợp lệ theo quy định của pháp luật;

- File dữ liệu điện tử:

+ File có định dạng DOC và XLS phải ghi đầy đủ tên và chức vụ người ký văn bản, số hiệu, ngày tháng văn bản;

+ File có định dạng PDF phải từ văn bản gốc có chữ ký và dấu màu đỏ của PHC.

- File điện tử bản tiếng Việt thống nhất cách đặt tên không dấu, ví dụ "*dd/mm/yyyy-Mã CK-Bao cao tại chính riêng nam 2017*", "*dd/mm/yyyy-Mã CK-Bao cao tại chính họp nhất nam 2020*" và tên phải đồng nhất khi có các định dạng khác nhau.

3. Gửi thông tin công bố:

a) Thông tin sau khi được phê duyệt công bố, thông tin được chuyển đến Giám đốc/Người được ủy quyền CBTT;

b) Thông tin văn bản được gửi qua đường bưu điện hoặc gửi trực tiếp tại trụ sở UBCKNN, SGDCK đồng thời gửi thông tin dưới dạng file điện tử cho UBCKNN, SGDCK theo hình thức được quy định. Trong trường hợp khẩn cấp, thông tin văn bản có thể gửi qua fax và đồng thời gửi bản chính cho UBCKNN, SGDCK;

c) Bộ phận tin học PHC đăng thông tin trên trang thông tin điện tử của PHC tại chuyên mục "Quan hệ cổ đông". Trong chuyên mục "Quan hệ cổ đông" có các tiêu mục được quy định cho từng loại thông tin cụ thể.

4. Kiểm tra, nhận phản hồi:

a) Đơn vị xử lý thông tin có trách nhiệm kiểm tra thông tin được công bố. Trường hợp phát hiện có sai lệch với thông tin công bố, thì phải báo cáo cho Giám đốc và người được ủy quyền CBTT;


b) Trường hợp bên nhận thông tin do PHC công bố phản hồi về tính chính xác của thông tin, thì các thông tin phản hồi được chuyển về đơn vị có trách nhiệm xử lý báo cáo Giám đốc và người được ủy quyền CBTT, đồng thời đề xuất cách xử lý và cải chính thông tin.

#### **Điều 28. Bảo quản và lưu giữ thông tin**

1. Về nguyên tắc chung việc lưu giữ các thông tin được công bố là vô thời hạn hoặc tuân thủ theo các quy định riêng của từng loại thông tin. Việc hủy thông tin theo một thời hạn nhất định (nếu có) phải đảm bảo điều kiện quy định tại Khoản 3 Điều 3 Quy chế này. Việc hủy thông tin trên các phương tiện CBTT không đồng nhất với việc hủy thông tin (gốc).

2. Các thư điện tử dùng để gửi thông tin chỉ được xóa khi chắc chắn không còn giá trị tham chiếu về việc gửi thông tin.

3. Thông tin công bố phải được lập hồ sơ lưu giữ tại Văn phòng tổng hợp và đơn vị xử lý thông tin.

4. Việc lưu trữ thông tin phải đảm bảo khả năng truy cập nhanh chóng mỗi khi cần đến. 

## Chương V: XỬ LÝ VI PHẠM

### Điều 29. Xử lý vi phạm

1. Các hành vi vi phạm Quy chế CBTT dẫn đến vi phạm quy định pháp luật về CBTT sẽ bị xem xét xử lý theo quy định tại Chương II Mục 12 Nghị định 156/2020/NĐ-CP.
2. Phòng/Ban/Bộ phận nghiệp vụ, cá nhân thuộc PHC có hành vi vi phạm Quy chế CBTT dẫn đến các hậu quả làm ảnh hưởng xấu đến hoạt động kinh doanh và uy tín của PHC, thì tùy theo từng trường hợp cụ thể sẽ bị xem xét xử lý theo các quy định hiện hành của PHC.

## Chương VI: ĐIỀU KHOẢN THỰC HIỆN

### Điều 30. Hiệu lực thi hành

Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày ký Quyết định ban hành.

### Điều 31. Tổ chức thực hiện

1. Tổng Giám đốc có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Quy chế này.
2. Trường hợp SGDCK có hướng dẫn chi tiết cách thức CBTT áp dụng cho các đối tượng CBTT phù hợp với quy định của pháp luật và hệ thống CBTT của SGDCK thì quy trình thực hiện CBTT phải thực hiện theo hướng dẫn của SGDCK.
3. Trường hợp có các quy định pháp luật về CBTT chưa được đề cập tại Quy chế này hoặc có các quy định pháp luật mới ban hành khác với Quy chế này thì phải tuân thủ nghĩa vụ CBTT được nêu tại các quy định pháp luật đó.
4. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc cần sửa đổi, bổ sung, Giám đốc tổng hợp, xem xét trình HĐQT xem xét, quyết định./.

T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH HĐQT



CAO TÙNG LÂM

**PHỤ LỤC 1: QUY TRÌNH CÔNG BỐ THÔNG TIN**

Quy trình này áp dụng cho việc CBTT của PHC và trường hợp Nhà đầu tư thuộc đối tượng CBTT ủy quyền cho PHC thực hiện CBTT.

**1. Sơ đồ quy trình công bố thông tin**

Bước	Quy trình	Trách nhiệm	Ghi chú
1		ĐHĐCĐ, HĐQT, Phòng/Ban, Đơn vị trực thuộc, nhà đầu tư	
2		Người phụ trách CBTT xử lý thông tin trình lãnh đạo phê duyệt	
3		Xem xét nội dung các tài liệu, báo cáo định kỳ	
4		Người phụ trách CBTT thực hiện CBTT	
5		Người đại diện theo pháp luật/Người được ủy quyền CBTT kiểm tra việc CBTT	
6		Bộ phận văn thư & các bộ phận có liên quan	

**2. Diễn giải**

**Bước 1: Gửi thông tin**

Khi phát sinh các thông tin cần công bố theo quy định, các phòng/ban /bộ phận nghiệp vụ gửi thông tin công bố (*phân công cụ thể tại phụ lục 2 của Quy chế*) hoặc nhà đầu tư cần tập hợp tài liệu, thông tin cần công bố gửi đến người phụ trách CBTT theo đúng thời hạn quy định của Quy chế đảm bảo CBTT kịp thời.

**Bước 2: Xử lý thông tin**

Người phụ trách CBTT tiến hành kiểm tra tính chính xác của nội dung các báo cáo, đối chiếu với với các quy định theo Quy chế này và pháp luật hiện hành. Trường hợp thông tin được cung cấp chưa đúng với Quy chế này và của pháp luật, người phụ trách CBTT yêu cầu Phòng/Ban/Bộ phận nghiệp vụ, Nhà đầu tư điều chỉnh, bổ sung thông tin cho phù hợp trong thời hạn CBTT theo quy định.

Việc xử lý thông tin phải được thực hiện trong vòng ba (03) ngày kể từ ngày nhận được thông tin. Riêng các trường hợp CBTT bất thường hoặc theo yêu cầu phải kết hợp và gửi ngay tới người phụ trách CBTT.

### **Bước 3: Báo cáo người đại diện theo pháp luật**

Người phụ trách CBTT báo cáo người đại diện theo pháp luật các thông tin cần công bố. Người đại diện theo pháp luật phải phê duyệt thông tin trong vòng ba (03) ngày trước ngày PHC phải CBTT theo quy định. Riêng các trường hợp CBTT bất thường hoặc theo yêu cầu báo cáo và phê duyệt bằng email đảm bảo thời hạn công bố.

### **Bước 4: Thực hiện báo cáo công bố thông tin**

Người phụ trách CBTT gửi văn bản CBTT kèm dữ liệu điện tử đến UBCKNN, SGDCK, Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam, đồng thời đăng tải thông tin lên trang thông tin điện tử của PHC.

### **Bước 5: Kiểm tra thông tin đã công bố**

Người phụ trách CBTT kiểm tra các thông tin đã báo cáo với UBCKNN, SGDCK, Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam trong vòng 03 ngày kể từ ngày gửi báo cáo. Trường hợp văn bản CBTT chưa tới nơi cần công bố, người phụ trách CBTT kiểm tra và gửi lại báo cáo.

### **Bước 6: Lưu trữ**

Thông tin sau khi đã thực hiện báo cáo sẽ do Văn phòng HĐQT lưu trữ bằng văn bản tối thiểu trong thời hạn 10 năm và dữ liệu điện tử trong thời hạn 05 năm để phục vụ cho việc kiểm tra, đối chiếu lại khi cần thiết.

**PHỤ LỤC 2: TRÁCH NHIỆM GỬI THÔNG TIN CÔNG BỐ CỦA CÁC BỘ PHẬN**

TT	Nội dung công bố	Các bộ phận/phòng/ban gửi thông tin công bố	Bộ phận trình duyệt	Thẩm quyền phê duyệt
<b>A</b>	<b>Công bố định kỳ</b>			
1	Báo cáo tài chính năm đã kiểm toán	P. Tài chính kế toán	Thư ký Ban TGD	TGD
2	Báo cáo tài chính bán niên đã soát xét	P. Tài chính kế toán	Thư ký Ban TGD	TGD
3	Báo cáo tài chính quý	P. Tài chính kế toán	Thư ký Ban TGD	TGD
4	Các trường hợp phải giải trình nguyên nhân khi công bố BCTC	P. Tài chính kế toán	Thư ký Ban TGD	TGD
5	Báo cáo thường niên	Người phụ trách quản trị chủ trì. Các bộ phận liên quan phối hợp: Thư ký Ban TGD, TCKT.	Thư ký HĐQT	Chủ tịch HĐQT
6	Thông tin về lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ	Phòng Pháp chế & Quan hệ Cổ đông (P. PC&QHCD)	Phụ trách quan hệ cổ đông.	Chủ tịch HĐQT
7	Tài liệu họp ĐHĐCĐ	(P. PC&QHCD)	Thư ký HĐQT	HĐQT
8	Biên bản, nghị quyết họp ĐHĐCĐ	Thư ký ĐHĐCĐ	Thư ký HĐQT	Chủ tịch HĐQT
9	Thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài	(P. PC&QHCD)	Thư ký HĐQT	Phụ trách CBTT
10	Thông tin về báo cáo sử dụng vốn	P. Tài chính kế toán	Thư ký TGD	TGD
11	Báo cáo tình hình quản trị PHC - Danh sách cổ đông Nhà nước, cổ đông lớn	Người phụ trách quản trị chủ trì, (P. PC&QHCD)	Thư ký HĐQT	Chủ tịch HĐQT

TT	Nội dung công bố	Các bộ phận/phòng/ban gửi thông tin công bố	Bộ phận trình duyệt	Thẩm quyền phê duyệt
<b>B</b>	<b>Công bố thông tin bất thường</b>			
<b>I</b>	<b>Công bố thông tin bất thường 24 giờ (khoản 1 Điều 16)</b>			
1	<p>(a) Tài khoản của PHC tại ngân hàng bị phong tỏa hoặc được phép hoạt động trở lại sau khi bị phong tỏa, ngoại trừ trường hợp phong tỏa theo yêu cầu của chính PHC;</p> <p>Quyết định thay đổi kỳ kế toán, chính sách kế toán áp dụng (<i>trừ trường hợp thay đổi chính sách kế toán áp dụng do thay đổi quy định pháp luật</i>);</p> <p>Thông báo doanh nghiệp kiểm toán đã ký hợp đồng kiểm toán BCTC năm hoặc thay đổi doanh nghiệp kiểm toán (<i>sau khi đã ký hợp đồng</i>); việc hủy hợp đồng kiểm toán đã ký;</p>	P. Tài chính kế toán	Thư ký TGD	TGD
2	(b) Khi nhận được văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc khi công ty có quyết định về tạm ngừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh; thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp; thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; sửa đổi, bổ sung hoặc bị đình chỉ, thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt động;	Người phụ trách quản trị	Thư ký HĐQT	Chủ tịch HĐQT
3	<p>(c1) Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông (<i>bao gồm nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, biên bản họp hoặc biên bản kiểm phiếu (trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản)</i>).</p> <p>Trường hợp Đại hội đồng cổ đông thông qua việc hủy niêm yết, PHC phải CBTT về việc hủy niêm yết kèm theo tỷ lệ thông qua của cổ đông không phải là cổ đông lớn;</p>	Thư ký HĐQT	Thư ký HĐQT	Chủ tịch HĐQT

2008

TT	Nội dung công bố	Các bộ phận/phòng/ban gửi thông tin công bố	Bộ phận trình duyệt	Thẩm quyền phê duyệt
4	<p>(d) Quyết định mua hoặc bán cổ phiếu quỹ; ngày thực hiện quyền mua cổ phiếu của người sở hữu trái phiếu kèm theo quyền mua cổ phiếu hoặc ngày thực hiện chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi sang cổ phiếu;</p> <p>Quyết định chào bán chứng khoán ra nước ngoài và các quyết định liên quan đến việc chào bán chứng khoán theo quy định pháp luật về doanh nghiệp;</p> <p>(đ) Quyết định về mức cổ tức, hình thức trả cổ tức, thời gian trả cổ tức; quyết định tách, gộp cổ phiếu;</p> <p>(e) Quyết định phát hành trái phiếu chuyển đổi, cổ phiếu ưu đãi;</p> <p>(f) Khi có sự thay đổi số cổ phiếu có quyền biểu quyết đang lưu hành.</p>	P. PC&QHCD và phụ trách phát hành	Thư ký HĐQT	HĐQT
5	<p>(g) Quyết định về việc tổ chức lại doanh nghiệp (chia, tách, hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp), giải thể doanh nghiệp;</p> <p>Thay đổi tên Công ty, con dấu của Công ty; thay đổi địa điểm, thành lập mới hoặc đóng cửa trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch;</p> <p>Sửa đổi, bổ sung Điều lệ; chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của PHC;</p>	Người phụ trách quản trị	Thư ký HĐQT	Chủ tịch HĐQT
6	<p>(h) Quyết định tham gia góp vốn thành lập, mua để tăng sở hữu trong một công ty dẫn đến công ty đó trở thành công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết; Hoặc bán cổ phần để giảm sở hữu tại công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết, dẫn đến công ty đó không còn là công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết; Hoặc giải thể công ty con,</p>	Phòng Tài chính kế toán	Thư ký HĐQT	Chủ tịch HĐQT



TT	Nội dung công bố	Các bộ phận/phòng/ban gửi thông tin công bố	Bộ phận trình duyệt	Thẩm quyền phê duyệt
	công ty liên doanh, công ty liên kết;			
7	(i) Khi nhận được Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt động được sửa đổi, bổ sung; Đối với thông tin công bố về thay đổi nội dung trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt động ( <i>Tên tổ chức, địa chỉ, vốn điều lệ, ngành nghề kinh doanh, người đại diện theo pháp luật...</i> ).	Phòng Tổ chức Hành chính	Thư ký HĐQT	Phụ trách CBTT
8	(j) Quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc HĐQT thông qua hợp đồng, giao dịch giữa PHC với người nội bộ hoặc người có liên quan;	Thư ký ĐHĐCĐ/Thư ký HĐQT tùy theo thẩm quyền.	Thư ký HĐQT	ĐHĐCĐ; HĐQT
9	(k) Quyết định trúng các gói thầu có giá trị từ 150 tỷ trở lên. Riêng mục này chỉ công bố trên trang điện tử (website) của PHC.	Trung tâm Đấu thầu Mua sắm	Thư ký Ban TGD	TGD
10	l) PHC thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm người nội bộ.	P. Tổ chức Hành chính	Thư ký HĐQT/Thư ký Ban TGD tùy theo thẩm quyền.	HĐQT/ TGD
11	m) Quyết định mua, bán tài sản hoặc thực hiện các giao dịch có giá trị lớn hơn 15% tổng tài sản của PHC căn cứ vào BCTC hợp nhất của năm gần nhất được kiểm toán hoặc BCTC hợp nhất 06 tháng gần nhất được soát xét.	Phòng Tài chính kế toán	Thư ký HĐQT	HĐQT
12	n) Khi nhận được quyết định khởi tố đối với PHC, người nội bộ của PHC; tạm giam, truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người nội bộ của PHC	P. Tổ chức Hành chính	Thư ký HĐQT/Thư ký Ban TGD tùy theo thẩm quyền.	HĐQT/ TGD

TT	Nội dung công bố	Các bộ phận/phòng/ban gửi thông tin công bố	Bộ phận trình duyệt	Thẩm quyền phê duyệt
13	o) Khi nhận được bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật liên quan đến hoạt động của PHC;	Thư ký Ban TGD	Thư ký HĐQT	Chủ tịch HĐQT
14	p) Quyết định xử phạt vi phạm pháp luật về thuế	P. Tài chính kế toán	Thư ký Ban TGD	TGD
15	q) PHC nhận được thông báo của Tòa án thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản doanh nghiệp	Thư ký Ban Tổng Giám đốc	Thư ký HĐQT	Chủ tịch HĐQT
16	s) Khi xảy ra các sự kiện khác có ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất, kinh doanh hoặc tình hình quản trị của PHC	P. Tài chính kế toán	Thư ký HĐQT	Chủ tịch HĐQT
17	t) Trường hợp PHC mua lại cổ phiếu của chính mình, sau khi thanh toán hết số cổ phiếu mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán giảm hơn 10% thì PHC phải thông báo cho tất cả các chủ nợ biết và CBTT trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày hoàn tất nghĩa vụ thanh toán việc mua lại cổ phiếu	P. Tài chính kế toán	Thư ký HĐQT	Chủ tịch HĐQT
18	u) Quyết định tăng, giảm vốn điều lệ;	P. PC&QHCD và phụ trách phát hành	Thư ký HĐQT	HĐQT
19	v) Quyết định góp vốn đầu tư vào một tổ chức, dự án; vay, cho vay hoặc các giao dịch khác với giá trị từ 10% trở lên trên tổng tài sản của PHC tại BCTC năm gần nhất được kiểm toán hoặc BCTC bán niên gần nhất được soát xét; Quyết định góp vốn có giá trị từ 50% trở lên vốn điều lệ của một tổ chức ( <i>xác định theo vốn điều lệ của tổ chức nhận vốn góp trước thời điểm góp vốn</i> );	Phòng Tài chính kế toán	Thư ký HĐQT	HĐQT
II	<b>Công bố thông tin Đại hội đồng cổ đông bất thường (Điều 17)</b>	P. PC&QHCD	Thư ký HĐQT	HĐQT

TT	Nội dung công bố	Các bộ phận/phòng/ban gửi thông tin công bố	Bộ phận trình duyệt	Thẩm quyền phê duyệt
III	Công bố thông tin về ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu (Điều 18)	P. PC&QHCD	Thư ký HĐQT	HĐQT
IV	Công bố thông tin bất thường trong các trường hợp đặc biệt khác (Điều 19)	P. Tài chính kế toán	Thư ký HĐQT	HĐQT
V	Công bố thông tin theo yêu cầu (Điều 20)	P. PC&QHCD	Thư ký HĐQT	HĐQT
VI	Công bố thông tin liên quan đến việc phát hành cổ phiếu, trái phiếu (Điều 21)	P. PC&QHCD và phụ trách phát hành	Thư ký HĐQT	HĐQT
VII	Thông tin về chào mua công khai (Điều 22)	P. PC&QHCD và phụ trách phát hành	Thư ký HĐQT	HĐQT
VIII	Mua lại cổ phiếu, bán cổ phiếu quỹ (Điều 23)	P. PC&QHCD và phụ trách phát hành	Thư ký HĐQT	HĐQT
VIX	Công bố thông tin về sở hữu cổ phiếu của cổ đông lớn (Điều 24)	Tổ chức, cá nhân, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết của PHC.	Thư ký HĐQT/ Thư ký Ban TGD tùy theo thẩm quyền	Phụ trách CBTT
XX	Công bố thông tin về giao dịch của người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ (Điều 25)	Người nội bộ của PHC và người có liên quan của người nội bộ.	Thư ký HĐQT/ Thư ký Ban TGD tùy theo thẩm quyền	Phụ trách CBTT

C.T.C.P. ICM